

Số: 3199 /TB-STNMT

Quảng Trị, ngày 30 tháng 7 năm 2024

THÔNG BÁO

Về việc lựa chọn tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư Pháp hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 1699/QĐ-UBND ngày 12/7/2024 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc Phương án đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh năm 2024;

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị thông báo việc lựa chọn Tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản, như sau:

1. Đơn vị thông báo lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản:

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị.

Địa chỉ: số 227, đường Hùng Vương, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị

2. Tên tài sản:

Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, **gồm 03 điểm mỏ khoáng sản (01 điểm mỏ đất làm vật liệu san lấp; 02 điểm mỏ cát sỏi).**

(Chi tiết vị trí, diện tích, giá khởi điểm, tiền đặt trước của từng mỏ có tại phụ lục đính kèm)

3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản:

Bao gồm các tiêu chí có tại Bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp, chi tiết như sau:

TT	NỘI DUNG	Mức tối đa
I	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	23,0
1	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	11,0
1.1	Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)	6,0

1.2	<i>Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện</i>	5,0
2	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	8,0
2.1	<i>Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá</i>	4,0
2.2	<i>Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá</i>	4,0
3	Có trang thông tin điện tử đang hoạt động	2,0
4	Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	1,0
5	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
II	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	22,0
1	Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan	4,0
2	Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
3	Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, đùm giá	4,0
4	Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá	4,0
5	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá	3,0
6	Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá	3,0
III	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản	45,0
1	Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5	6,0
1.1	Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)	2,0

1.2	<i>Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng</i>	3,0
1.3	<i>Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng</i>	4,0
1.4	<i>Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng</i>	5,0
1.5	<i>Từ 30 hợp đồng trở lên</i>	6,0
2	<i>Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5</i>	18,0
2.1	<i>Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)</i>	10,0
2.2	<i>Từ 20% đến dưới 40%</i>	12,0
2.3	<i>Từ 40% đến dưới 70%</i>	14,0
2.4	<i>Từ 70% đến dưới 100%</i>	16,0
2.5	<i>Từ 100% trở lên</i>	18,0
3	<i>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc 3.3</i>	5,0
3.1	<i>Dưới 03 năm</i>	3,0
3.2	<i>Từ 03 năm đến dưới 05 năm</i>	4,0
3.3	<i>Từ 05 năm trở lên</i>	5,0
4	<i>Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3</i>	3,0
4.1	<i>01 đấu giá viên</i>	1,0
4.2	<i>Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên</i>	2,0
4.3	<i>Từ 05 đấu giá viên trở lên</i>	3,0
5	<i>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3</i>	4,0

5.1	<i>Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên</i>	2,0
5.2	<i>Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên</i>	3,0
5.3	<i>Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên</i>	4,0
6	Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3 hoặc 6.4	5,0
6.1	<i>Dưới 50 triệu đồng</i>	2,0
6.2	<i>Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng</i>	3,0
6.3	<i>Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng</i>	4,0
6.4	<i>Từ 200 triệu đồng trở lên</i>	5,0
7	Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 7.1 hoặc 7.2	3,0
7.1	<i>Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)</i>	2,0
7.2	<i>Từ 03 nhân viên trở lên</i>	3,0
8	Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn	1,0
IV	Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3	5,0
1	<i>Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính</i>	3,0
2	<i>Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)</i>	4,0
3	<i>Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)</i>	5,0
V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định (Có nhiều nhất Hợp đồng đấu giá tài sản cùng loại trong 2 năm liền kề)	5,0
Tổng số điểm		100

VI	Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1	<i>Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i>	Đủ điều kiện
2	<i>Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i>	Không đủ điều kiện

4. Đánh giá, chấm điểm Tổ chức đấu giá tài sản:

Thực hiện theo Điều 5 Thông tư số 02/2022/TT-BTP ngày 08/02/2022 của Bộ Tư Pháp hướng dẫn lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản.

5. Yêu cầu nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn tổ chức đấu giá:

Tổ chức tham gia lựa chọn phải tự xây dựng hồ sơ theo các tiêu chí quy định tại Bảng tiêu chí nói trên, có tài liệu chứng minh, có bảng tự chấm điểm. Hồ sơ phải đóng thành quyển bỏ vào bì hồ sơ dán kín (có đóng dấu niêm phong) ghi rõ tên và địa chỉ tổ chức đấu giá ngoài bì hồ sơ.

6. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tổ chức đấu giá:

- Thời gian nhận hồ sơ: 05 ngày làm việc kể từ ngày thông báo về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản (*Trong giờ hành chính*).

- Địa điểm nộp hồ sơ:

+ Hồ sơ nộp trực tiếp tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị.

+ Địa chỉ: số 227, đường Hùng Vương, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

+ Số điện thoại: 0233.3552282.

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị thông báo để các Tổ chức đấu giá tài sản biết và đăng ký./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (Báo cáo);
- GD, các PGĐ;
- Công thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản;
- Trang Thông tin điện tử Sở TN&MT (để đăng công khai);
- Lưu: VT, VP, KSN.



Trần Văn Quảng

PHỤ LỤC

DANH SÁCH CÁC ĐIỂM MÔ ĐÁU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2024

(Kèm theo Thông báo số: /TB-STNMT ngày /7/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Trị về việc lựa chọn tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản)

TT	Tên điểm mô	Loại khoáng sản	Diện tích (ha)	Vị trí	Tọa độ VN2000			Tài nguyên dự báo cấp 333 + 334a (ngàn m ³)	Giá khởi điểm (triệu đồng)	Tiền đặt trước (triệu đồng)
					KTT 106°15', MC 3°					
					Điểm góc	X(m)	Y(m)			
A. MỎ ĐÁT LÀM VẬT LIỆU SAN LẤP (01 mỏ)										
1	Mỏ Km6 TL575b (Gio An 1)	Đất làm vật liệu san lấp	19	Xã Gio An, huyện Gio Linh	1	1871805	582895	1.200	1.072,1	160,8
					2	1871551	582925		Trong đó	
					3	1871545	583010		G = 27.000 đ	
					4	1871464	582969		K1 = 0,9	
					5	1871290	583207		K2 = 0,95	
					6	1871517	583353		R = 3%	
					7	1871324	583622			
					8	1871325	583809			
					9	1871424	583722			
					10	1871459	583593			
					11	1871537	583555			
					12	1871593	583406			
					13	1871753	583231			
					14	1871721	583127			

B. MỎ CÁT, SỎI LÒNG SÔNG

1	Mỏ cát sỏi TH1	Cát, sỏi	14,46	Vùng Kho, xã Đakrông, huyện Đakrông	TH1-1	1842165	558797	365,5	1.970,2 Trong đó G = 110.000 đ K1 = 0,9 K2 = 0,9 R = 5%	295,5
					TH1-2	1842207	558493			
					TH1-3	1842007	558084			
					TH1-4	1841888	558137			
					TH1-5	1841954	558656			
					TH1-6	1842076	558823			
					2	Mỏ cát, sỏi Cồn Nổi	Cát, sỏi			
CN-2	1.860.672	594.400								
CN-3	1.860.587	594.536								
CN-4	1.860.498	594.607								
CN-5	1.860.323	594.644								
CN-6	1.860.294	594.589								
CN-7	1.860.441	594.410								